TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K -TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2023/DS - ST**
Ngày **26** tháng **12** năm **2023**
"" V/v *: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có :
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thế Anh.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lệ Dung và Phạm Thị Phương.
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hà, thư ký Toà án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- Đại diện VKSND huyện K tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2023/TLST - DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1967 và bà Lê Thị O, sinh năm 1972; địa chỉ: Số nhà 19, đường T, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Có mặt tại phiên tòa.
- Bị đơn: Ông Ninh Văn S, sinh năm 1966; địa chỉ: xóm 3, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt tại phiên tòa.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lã Thị Hồng Đ, sinh năm 1972; địa chỉ: xóm 3, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lã Thị Hồng Đ: Ông Ninh Văn S, sinh năm 1966; địa chỉ: xóm 3, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/8/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P và bà Lê Thị O trình bày:

Ông bà và ông Ninh Văn S có mối quan hệ quen biết (liên gia); Vào năm 2020, ông S có 03 lần vay tiền của ông bà để làm ăn kinh doanh buôn bán. Tổng cộng số tiền vay là 950.000.000đ; cụ thể 16/07/2020 vay 500.000.000đ, ngày 08/09/2020 vay 150.000.000đ, ngày 20/09/2020 vay 300.000.000đ. Hai bên thỏa thuận vay với lãi suất là 20%/1 năm; lãi chậm trả trên nợ gốc 10%/1 năm, lãi phạt 30%/1 năm lãi trả hàng tháng, thời hạn trả nợ cả ba khoản vào ngày 15/3/2022.

Thời điểm đó ông bà không có đủ tiền cho ông S vay nên đã hỏi vay tiền của những người khác để cho ông S vay. Ông S cũng biết việc này, cũng biết việc ông bà đi vay tiền của người khác thì phải thanh toán cả tiền lãi và 2 bên cũng tự biết là ông S phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi cho ông bà để ông bà trả tiền lãi cho những người mà ông bà vay tiền. Tuy nhiên, trong suốt thời gian vay ông S không thực hiện đúng thỏa thuận trả nợ gốc lãi mà chỉ trả nhỏ giọt tiền lãi và cũng không trả đều hàng tháng tổng cộng được 137.000.000đ. Ông bà đã nhắc nhở ông S thường xuyên, nhưng ông S thiện chí trả nợ mà ông S cùng vợ là Đ liên tục đưa ra lý do trì hoãn thoái tác việc trả nợ cho ông bà.

Do đó ngày 28/3/2023 ông bà đã yêu cầu ông S cùng ông bà có buổi làm việc trao đổi rõ ràng về khoản vay nợ, tại buổi làm việc ngày 28/3/2023 hai bên đã xác nhận thống nhất như sau: Tổng cộng số tiền nợ gốc, lãi, lãi chậm trả, lãi trên nợ gốc tạm tính đến ngày 28/3/2023 ông S còn nợ ông bà số tiền là 1.810.000.000đ. Ông S đã trả 137.000.000đ và xin giảm một phần tiền lãi nên ông bà đồng ý giảm cho ông S. Tổng số tiền ông S còn phải trả cho ông bà số tiền là 1.250.000.000đ. Ngoài ra, các bên còn thống nhất ông S sẽ dùng mọi tài sản thuộc sở hữu của vợ chồng ông hoặc của riêng ông S để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay nói trên. Theo đó, ông S đồng ý cho ông bà được thay mặt ông S thực hiện các thủ tục cần thiết tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm theo quy định pháp luật, cụ thể tại biên bản làm việc có kê khai tài sản thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ là xe ô tô tải BKS 35C-020.59 mang tên ông S (có chi tiết số khung, số máy).

Ông S cam kết thời gian trả nợ sẽ được thực hiện chậm nhất vào ngày 28 hàng tháng dương lịch với số tiền trả tối thiểu là 56.000.000đ và trong mọi trường hợp thời hạn mà ông S trả nợ toàn bộ khoản vay không chậm hơn 01 năm (tức là ngày 28/4/2024).

Sau khi hai bên làm việc ông S đã trả tiếp được 74.000.000đ. Cụ thể: ngày 27/4/2023 là 23.000.000đ; ngày 10/5/2023 là 12.000.000đ; ngày 23/5/2023 là 9.000.000đ; ngày 31/5/2023 là 9.000.000đ; ngày 03/6/2023 là 3.000.000đ; ngày 18/6/2023 là 10.000.000đ; ngày 22/6/202 là 8.000.000đ; sau đó ông S và bà Đ không trả nữa.

Khi khởi kiện ông bà mới biết lãi xuất thỏa thuận, chậm trả và lãi phạt vượt qua quy định của nhà nước vì vậy tại phiên tòa ông bà chỉ yêu cầu buộc ông S phải thanh toán 1.308.000.000đ (trong đó: số tiền gốc là 950.000.000đ và số lãi theo mức lãi cao nhất là 20%/ năm tính cho các khoản vay từ khi vay đến nay 26/12/2023 là 358.000.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông bà giữ nguyên yêu cầu tại đơn khởi kiện; đối với các yêu cầu về xử lý tài sản đảm bảo của gia đình ông Sinh do việc xác định tài sản thế chấp trong văn bản đã ký trước đây không rõ ràng, có tài sản đang được thế chấp nên ông bà không yêu cầu xem xét với vấn đề này.

Ông Ninh Văn S trong bản tự khai đề ngày 09/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Ông xác nhận có vay nợ của vợ chồng ông Nguyễn Hồng P và bà Lê Thị O, số tiền hai bên đã thống nhất tại buổi làm việc ngày 28/3/2023 số tiền gốc và lãi là 1.810.000.000đ. Do việc làm ăn buôn bán của ông đang gặp khó khăn, ông mong vợ chồng ông P, bà O tạo điều kiện cho ông cho ông thời gian đến tháng 01/2024 âm lịch ông sẽ trả dần mỗi tháng là 50.000.000đ tiền gốc cho đến khi trả hết nợ vì thời gian này.

Quá trình hòa giải, giải quyết tại Tòa án, ông S công nhận số tiền gốc còn nợ vợ chồng ông P, bà O là 1.308.000.000đ. Ông đồng ý và có thiện trí thu xếp trả nợ dần, nhưng nêu lý do hoàn cảnh thời gian này việc làm ăn buôn bán của ông đang gặp khó khăn không thể thanh toán hết toàn bộ số nợ trong 01 lần, ông mong vợ chồng ông P, bà O tạo điều kiện cho ông thời gian đến tháng 01/2024 âm lịch ông sẽ trả dần mỗi tháng là 50.000.000đ tiền gốc cho đến khi trả hết nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lã Thị Hồng Đ không tham gia vào quá trình giải quyết vụ án, đã có Giấy ủy quyền cho ông Ninh Văn S.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 280, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn là ông Ninh Văn S và vợ là bà Lã Thị Hồng Đ phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P và bà Lê Thị O số tiền nợ là 1.308.000.000đ.

Về án phí Ninh Văn S và vợ là bà Lã Thị Hồng Đ phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P và bà Lê Thị O khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Ninh Văn S có địa chỉ cư trú: Xóm 3, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ quy định tại Điều 26 khoản 9, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về nợ gốc: căn cứ vào giấy vay nợ ngày 16/7/2020, ngày 08/9/2020, ngày 20/9/2020 do nguyên đơn cung cấp đã được bị đơn ông Ninh Văn S(bên vay) xác nhận trong quá trình làm việc và tại phiên tòa thì số nợ gốc là 950.000.000đ.

Mặc dù tại các văn bản xác nhận nợ nêu trên đều do một mình ông S đứng ra ký kết với vợ chồng ông bà P - O nhưng mục đích vay và sử dụng khoản vay phục vụ cho việc kinh dO trong gia đình ông Sinh. Do đó khoản nợ với vợ chồng ông bà P - O được xác định là nợ chung của vợ chồng ông Ninh Văn S và bà Lã Thị Hồng Đ.

[2.2] Về mức lãi thỏa thuận: Trong 03 giấy vay tiền đều thể hiện các bên không có thỏa thuận về tiền lãi; nhưng các bên đều xác dịnh các hợp đồng vay đều có lãi xuất; ban đầu ông Ninh Văn S khai là mức lãi ban đầu thỏa thuận miệng là 6%/tháng còn phía ông Nguyễn Hồng P, bà Lê Thị O (bên cho vay) khai là mức lãi thỏa thuận 20/%/năm. Theo quy định của Bộ luật dân sự: "***Điều 468. Lãi suất***

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ."

Căn cứ vào tại biên bản làm việc ngày 28/3/2023 hai bên có thỏa thuận về tiền lãi cụ thể là: lãi suất cho vay 20%/1 năm; tại phiên tòa các bên trình bày thì mức lãi cho vay được xác định là 20%/năm.

[2.3] Về số tiền gốc lãi các bên đã thanh toán cho nhau:

Căn cứ trình bày của vợ chồng ông P và bà O cũng như xác nhận của ông S thì từ khi vay khoản đầu tiên đến khi lập biên bản làm việc 28/3/2023 xác định gốc lãi còn phải trả thì phía ông Sinh đã thanh toán cho vợ ông P và bà O 137.000.000đ; sau ngày 28/3/2023 cho đến khi xét xử sơ thẩm ông S đã trả thêm được 74.000.000đ. Tổng cộng 211.000.000đ.

Theo mức lãi suất các bên thỏa thuận được pháp luật chấp nhận không quá 20%/năm thì cho đến ngày xét xử sơ thẩm ông S phải trả trên 770.000.000đ tiền lãi cho ba khoản vay trên. Số tiền ông đã trả 211.000.000đ chưa thanh toán hết số lãi theo mức lãi xuất đã thỏa thuận. Số lãi phía nguyên đơn yêu cầu ông phải trả cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 358.000.000đ và số tiền lãi ông đã trả 211.000.000đ ít hơn số tiền lãi ông phải thanh toán theo thỏa thuận được pháp luật chấp nhận tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Số tiền lãi phía vợ chồng ông P yêu cầu ông S và bà Đ phải trả thấp hơn số tiền ông phải trả có lợi cho ông và là sự tự nguyện của phía nguyên đơn được chấp nhận.

[2.4] căn cứ phân tích các mục [2.1] đến [2.3] nêu trên theo quy định của Bộ luật dân sự: *"**Điều 466: Nghĩa vụ trả nợ của bên vay***

"4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác."

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trên có đủ cơ sở chấp nhận cần buộc phía bị đơn ông S và bà Đ phải trả cho vợ chồng ông P và bà O số tiền 1.308.000.000đ trong đó 950.000.000đ tiền gốc và 358.000.0000đ tiền lãi.

[2.5] Đối với với việc xử lý tài sản bảo đảm: Việc rút phần yêu cầu xử lý chiếc xe ô tô tải 35C 020.59 là tài sản bảo đảm này của ông P, bà O là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật cần được chấp nhận; do đó hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề này.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận được trả lại tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí trên tổng số tiền nợ gốc và lãi phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 280, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P và bà Lê Thị O đối với ông Ninh Văn S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lã Thị Hồng Đ.

Buộc vợ chồng ông Ninh Văn S và bà Lã Thị Hồng Đ phải trả cho ông Nguyễn Hồng P và bà Lê Thị O số tiền 1.308.000.000đ (trong đó 950.000.000đ tiền gốc và 358.000.0000đ tiền lãi).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 BLDS.

2. Về án phí: Ông Ninh Văn S và bà Lã Thị Hồng Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận *:*
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Thế Anh